

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp/UBND cấp huyện/UBND cấp xã**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 805/STP-VP ngày 19 tháng 4 năm 2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 15 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; 20 TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã; 01 TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (*Danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật TTHC vào Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ

tục hành chính liên quan.

2. Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tư pháp tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và sao gửi Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn cấp huyện quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các TTHC tại mục I, II, III của Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp/Ủy ban nhân dân cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP và CV TP;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 901 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ**

| T<br>T | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)              | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện   | Nội dung sửa đổi                         |
|--------|---|---|---|---|---|---|--|
| 1      | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (2.002516) | 03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật | Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện tại Bộ phận một cửa/Trung tâm Hành chính công cấp huyện/Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Tư pháp) của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số | Cơ quan thực hiện : Sở Tư pháp; Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp; Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành phần hồ sơ. |

| T<br>T | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|--------|----------------------------------|----------------------|-----------------|---|--|-------------------|------------------|
|        |                                  |                      |                 | <a href="https://dichvucong.thuatienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuatienhue.gov.vn</a> . | <p>điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC</li> </ul> |                   |                  |

| T<br>T | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|--------|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|        |                                  |                      |                 |                                 | ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |                   |                  |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                          | Thời gian giải quyết                                | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                         |
|----|---|---|---|--|--|--|--|
| 1  | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000528) | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ;<br>trường hợp nhận | - 70.000 đồng/trường hợp đối với việc đăng ký khai sinh.<br>- Miễn lệ phí cho người | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành phần hồ sơ. |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|---|---|--|---|-------------------|------------------|
|    |                                  | hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <p><i>sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC</li> </ul> | UBND cấp huyện.   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                        | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi   |
|----|---|----------------------|---|---|--|--|--|
|    |   |                      |   |   | hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  |  |  |
| 2  | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000806) | 15 ngày              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1.400.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, người cao tuổi.</li> </ul> | <p>Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>) (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</li> </ul> | <p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br/>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                        | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện   | Nội dung sửa đổi  |
|----|---|---|--|---|--|---|---|
|    |   |   |  |   | <p>điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>  |   |   |
| 3  | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766) | <p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong</p> | <p>- 70.000 đồng/trường hợp đối với việc đăng ký khai tử.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, người cao tuổi.</p> | <p>Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh</p> | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ</p> | <p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;</p> <p>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> | <p>- <i>Căn cứ pháp lý;</i></p> <p>- <i>Thành phần hồ sơ.</i></p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|---|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  | ngày làm việc tiếp theo.<br>Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. |                 | <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> . | quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                                  | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi   |
|----|---|----------------------|--|--|--|--|--|
|    |   |                      |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |  |  |
| 4  | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (2.000779) | 15 ngày              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1.500.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình</li> </ul> | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;</li> <li>Cơ quan</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện           | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|--|--|---|-----------------------------|------------------|
|    |                                  |                      | có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật, người cao tuổi. | dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <p>biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</p> | quyết định: UBND cấp huyện. |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                                       |
|----|---|----------------------|---|---|--|--|--|
|    |   |                      |   |   | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  |  |  |
| 5  | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695) | 15 ngày              | -70.000 đồng/trường hợp đối với việc đăng ký khai sinh.<br>-1.500.000 đồng đối với việc đăng ký nhận cha, mẹ, con.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - <i>Căn cứ pháp lý;</i><br>- <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên</li> </ul> |                   |                  |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                        | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                         |
|----|---|--|--|---|--|--|--|
|    |   |  |  |   | Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |  |  |
| 6  | Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669) | 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên. | - 50.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | - Bộ luật Dân sự năm 2015;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành phần hồ sơ. |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                                 | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                         |
|----|--|----------------------|--|--|--|--|--|
|    |  |                      |  |  | BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |  |  |
| 7  | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756) | 02 ngày làm việc     | - 50.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | - Bộ luật Dân sự năm 2015;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành phần hồ sơ. |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>tuyển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|---|--|--|---|-------------------|---|
|    |   |   |  |  | <p>chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |   |
| 8  | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (2.000748) | - Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường | - 30.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc | Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc</p>   | Cơ quan           | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)                                    | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|--|--|--|---|--|------------------|
|    |                                  | <p>hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06</p> | <p>hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | <p>thông bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> | <p><i>nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p> | <p>trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp; Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)      | Địa điểm và cách thức thực hiện                      | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi  |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------|--|--|-------------------|-------------------|
|    |                                  | ngày làm việc.       |                      |  | <p>khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |                   |
| 9  | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch       | 12 ngày              | - 50.000 đồng/trường | Người có yêu cầu ghi chú kết hôn trực tiếp thực hiện | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>   | Cơ quan trực tiếp | - Căn cứ pháp lý; |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi    |
|----|---|----------------------|---|--|---|--|---------------------|
|    | việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002189) |                      | hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày | thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - Thành phần hồ sơ. |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi   |
|----|---|----------------------|--|---|--|--|--|
|    |   |                      |  |   | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  |  |  |
| 10 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.000554) | 12 ngày              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 50.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</li> </ul> | <p>Người có yêu cầu ghi chú ly hôn trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul> | <p>Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp; Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                         |
|----|---|--|--|--|---|--|--|
|    |   |  |  |  | <p>chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>                           |  |  |
| 11 | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, | Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm | - 50.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành phần hồ sơ. |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                                 | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|--|--|-----------------|--|--|-------------------|------------------|
|    | mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)<br>(2.000547) | việc tiếp theo.<br>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc. |                 | giải quyết thủ tục hành chính tỉnh<br>( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                              | Thời gian giải quyết                     | Lệ phí (nếu có)                                      | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện                           | Nội dung sửa đổi                                       |
|----|---|--|--|--|---|---|--|
|    |   |  |  |  | lệ phí quốc tịch.<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |   |  |
| 12 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000522) | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn | - 70.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người | Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;   | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp; | - <i>Căn cứ pháp lý;</i><br>- <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết                                    | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện                   | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|---|---|---|--|-------------------------------------|------------------|
|    |                                  | bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</li> </ul> | Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p> |                   |                  |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)   | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                                       |
|----|--|--|--|---|--|--|--|
|    |  |  |  |   | 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>-Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |  |  |
| 13 | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.000893) | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | - 70.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- <i>Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư</i> | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - <i>Căn cứ pháp lý;</i><br>- <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p><i>trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)        | Địa điểm và cách thức thực hiện                    | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi         |
|----|----------------------------------|----------------------|------------------------|--|---|-------------------|--------------------------|
|    |                                  |                      |                        |  | <p>cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |                          |
| 14 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn      | 05 ngày làm việc;    | -1.400.000 đồng/trường | Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện nộp | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;   | Cơ quan trực tiếp | - <i>Căn cứ pháp lý;</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện   | Nội dung sửa đổi           |
|----|----------------------------------|---|--|--|--|---|----------------------------|
|    | có yếu tố nước ngoài (2.000513)  | trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi . | hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp</li> </ul> | thực hiện: Phòng Tư pháp; Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                            | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện  | Nội dung sửa đổi                                       |
|----|---|---|--|---|--|--|--|
|    |   |   |  |   | thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |  |  |
| 15 | Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (2.000497) | 05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc. | - 70.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP | Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tư pháp;<br>Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. | - <i>Căn cứ pháp lý;</i><br>- <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |                   |                  |

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)     | Thời gian giải quyết                      | Lệ phí (nếu có)                 | Địa điểm và cách thức thực hiện                                | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi             |
|----|--------------------------------------|---|---------------------------------|--|---|-------------------|------------------------------|
| 1  | Thủ tục đăng ký khai sinh (1.001193) | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường | - 6.000 đồng/trường hợp đối với | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy | - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014; | UBND cấp xã       | - Căn cứ pháp lý;<br>- Thành |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi          |
|----|----------------------------------|---|---|---|---|-------------------|---------------------------|
|    |                                  | <p>hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> | <p>đăng ký khai sinh không đúng hạn.<br/>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | <p>quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> | <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br/>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br/>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và</p> |                   | <p><i>phần hồ sơ.</i></p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)   | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|------------------------------------|---|-----------------|---|--|-------------------|--|
|    |                                    |   |                 |   | <p>đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul>   |                   |  |
| 2  | Thủ tục đăng ký kết hôn (1.000894) | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p> | Miễn lệ phí     | <p>Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> </ul> | UBND cấp xã       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)             | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|--|--|---|--|--|-------------------|---|
|    |  |  |   |  | <p>thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |   |
| 3  | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022) | 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | - 15.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov">https://dichvucong.gov</a> | <p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ</p>   | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)                         | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|---|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      | nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi | .vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <p><i>sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                                       | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|--|---|--|--|---|-------------------|--|
|    |  |   |  |  | hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |                   |  |
| 4  | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.000689) | 03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí đăng ký khai sinh: 6.000 đồng/trường đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn.</li> <li>- Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật.</li> </ul> | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ</li> </ul> | UBND cấp xã       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)   | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                 |
|----|------------------------------------|---|---|--|--|-------------------|--|
| 5  | Thủ tục đăng ký khai tử (1.000656) | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> | <p>- 6.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai tử không đúng hạn.<br/>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | <p>Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br/>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br/>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br/>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp</p> | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;<br/>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)              | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện                           | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|----------------------|--|---|---|-------------------|---|
|    |   |                      |  |   | <p>thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>   |                   |   |
| 6  | Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động (1.003583) | 05 ngày làm việc.    | <p>- 6.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | Nộp hồ sơ tại địa điểm tổ chức đăng ký khai sinh lưu động | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</p> | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)            | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện                                  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|---|----------------------|-----------------|--|---|-------------------|------------------|
|    |   |                      |                 |  | <p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |                   |                  |
| 7  | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động (1.000593) | 05 ngày làm việc     | Miễn lệ phí     | <b>Nộp hồ sơ trực tiếp</b> tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</li> </ul>  | UBND cấp xã       |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|---|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của</p> |                   | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)            | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện                           | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|----------------------|---|---|--|-------------------|---|
|    |   |                      |   |   | <p>Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |   |
| 8  | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động (1.000419) | 05 ngày làm việc.    | <p>- 6.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai tử không đúng hạn.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng</p> | Nộp hồ sơ trực tiếp tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ</p>   | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|--|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      | hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. |                                 | <p><i>tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|---|--|---|---|--|-------------------|--|
|    |   |  |   |   | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  |                   |  |
| 9  | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110) | Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 6.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi</li> </ul> | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul> | UBND cấp xã       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|---|-----------------|--|---|-------------------|---|
|    |   |   |                 |  | <p>chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>   |                   |   |
| 10 | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094) | 03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | Miễn lệ phí     | Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (bên | <p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ</p> | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 | nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <p><i>công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)         | Thời gian giải quyết                  | Lệ phí (nếu có)           | Địa điểm và cách thức thực hiện                                | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|--|---------------------------------------|---------------------------|--|---|-------------------|------------------|
|    |  |                                       |                           |  | <p>nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |                   |                  |
| 11 | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu | 07 ngày làm việc; trường hợp phải xác | - 15.000 đồng/trường hợp. | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> </ul>   | UBND cấp xã       |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)               | Thời gian giải quyết                                     | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|--|--|---|--|--|-------------------|--|
|    | tổ nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000080) | minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc. | - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</li> <li>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</li> </ul> |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|---|---|--|--|-------------------|---|
|    |   |   |   |  | <p>chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>  |                   |   |
| 12 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827) | <p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết</p> | <p>- 6.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai tử không đúng hạn.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;</p> | <p>Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông</p> | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</p> | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết        | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|-----------------------------|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  | không quá 03 ngày làm việc. | người cao tuổi. | tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <p>ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam,</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)   | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|------------------------------------|----------------------|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                    |                      |                 |   | lệ phí quốc tịch;<br>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;<br>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |                   |                  |
| 13 | Thủ tục đăng ký giám hộ (1.004837) | 03 ngày làm việc     | Miễn lệ phí     | Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ | - Bộ luật Dân sự năm 2015;<br>- Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và  | UBND cấp xã       |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|--|---|-------------------|--|
|    |                                  |                      |                 | <p>trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> | <p>biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;<br/> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;<br/> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br/> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</p> |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)            | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|---|----------------------|-----------------|--|--|-------------------|--|
|    |   |                      |                 |  | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.  |                   |  |
| 14 | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ (1.004845) | 02 ngày làm việc.    | Miễn lệ phí     | Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.athienhue-.gov.vn">https://dichvucong.athienhue-.gov.vn</a> ). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị</li> </ul> | UBND cấp xã       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)                                  | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|---|--|--|--|-------------------|---|
|    |   |   |  |  | <p>ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |   |
| 15 | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (1.004859) | <p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu</p> | <p>- 12.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với nước; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p>            | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|--|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  | bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. |                 | dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí</li> </ul> |                   |                  |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)              | Thời gian giải quyết                                | Lệ phí (nếu có)                            | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|---|---|--|--|---|-------------------|------------------|
|    |   |   |  |  | <p>xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |                   |                  |
| 16 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời | - 12.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí | Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</li> </ul>  | UBND cấp xã       |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết              | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|----------------------------------|-----------------------------------|---|--|--|-------------------|--|
|    | (1.004873)                       | hạn giải quyết không quá 23 ngày. | cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</p> |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)         | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)   | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                       |
|----|--|--|---|--|---|-------------------|--|
|    |  |  |   |  | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |                   |  |
| 17 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh (1.004884) | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | - 6.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | - Luật Hộ tịch năm 2014;<br>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;<br>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i><br>- <i>Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch.</i><br>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực | UBND cấp xã       | - <i>Căn cứ pháp lý;</i><br>- <i>Thành phần hồ sơ.</i> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>tuyển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)  | Thời gian giải quyết   | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|---|--|--|---|---|-------------------|---|
|    |   |  |  |   | <p>chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> |                   |   |
| 18 | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772) | 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | - 6.000 đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc</p>   | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có)                          | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|--|---|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      | nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi. | chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <p><i>nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch.</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-</li> </ul> |                   |                  |



| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)       | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện  | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi   |
|----|--|---|--|--|---|-------------------|--|
|    |  |   |  |  | HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.   |                   |  |
| 19 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn (1.004746) | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 30.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</li> </ul> | Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ) (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</i></li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị</li> </ul> | UBND cấp xã       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ pháp lý;</li> <li>- Thành phần hồ sơ.</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <p>định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC</p> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)       | Thời gian giải quyết  | Lệ phí (nếu có)  | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi                                    |
|----|--|---|--|---|---|-------------------|---|
|    |  |   |  |   | <p>ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</p>  |                   |   |
| 20 | Thủ tục đăng ký lại khai tử (1.005461) | 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | <p>- 6.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; người cao tuổi.</p> | <p>Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông</p> | <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ</p> | UBND cấp xã       | <p>- Căn cứ pháp lý;</p> <p>- Thành phần hồ sơ.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện   | Căn cứ pháp lý  | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---|---|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 | tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn">https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn</a> ). | <p>quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</li> </ul> |                   |                  |

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Lệ phí (nếu có) | Địa điểm và cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý   | Cơ quan thực hiện | Nội dung sửa đổi |
|----|----------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------|--|-------------------|------------------|
|    |                                  |                      |                 |                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> </ul> |                   |                  |

**\* Ghi chú:**

- Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế. Nội dung chi tiết các TTHC kèm theo Quyết này thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).
- Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (2.000635) thực hiện theo Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.